

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2024/DS- ST

Ngày: 28/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh

2. Bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 28/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST- DS, ngày 17 tháng 04 năm 2024 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST – DS ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Đ - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị H – Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Khu phố Y, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Minh H1, sinh năm: 2004

Địa chỉ: Khu phố Y, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh Đ và bà H, vắng mặt chị H1 (Chị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đỗ Văn Đ trình bày:

Đầu năm 2023, anh và chị Phạm Thị Minh H1, sinh năm 2004 bắt đầu gặp và quen biết nhau do cùng làm việc tại nhà hàng tại Hà Nội. Sau đó anh, chị nảy sinh tình cảm yêu đương qua lại. Anh và chị H1 có quan hệ yêu đương mẹ của chị H1 là bà Bùi Thị H có biết sự việc này, không phản đối nhưng bà H có gợi ý với anh đang khó khăn, cần tiền sử dụng công việc, nên đề nghị anh cho bà H vay tiền để sử dụng, do nể nang mối quan hệ yêu đương qua lại với con gái bà H nên ngày 23/06/2023 anh có chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng mà bà H đề nghị vay, từ số tài khoản Ngân hàng TMCP N – V : 0541000341291 do anh làm chủ tài khoản, đến số tài khoản 1022551925 do bà Bùi Thị H làm chủ tài khoản. Nội dung chuyển khoản ‘cho vay’. Do tin tưởng nhau, nên việc cho vay tiền giữa anh và bà H đã không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau về nội dung cho vay mượn này. Trước thời điểm chuyển tiền cho vay tới thời điểm vay tiền của anh ngày 23/06/2023 bà H đã nói ‘cô vay số tiền này đến hết năm 2023, sang đầu năm 2024 cô sẽ trả cháu đầy đủ’. Đến thời điểm như thỏa thuận trong tháng 1/2024 anh có đề nghị bà H trả tiền đã vay như đã hẹn nhưng bà H né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Do đó anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị H trả cho anh số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đã vay của anh, buộc bà Bùi Thị H trả lãi suất đối với số tiền 50.000.000 đồng, từ thời điểm vay cho đến trả xong nợ với mức lãi suất 0,8 % một tháng. Yêu cầu bà Bùi Thị H tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán hết khoản nợ nói trên.

Tại phiên tòa anh Đỗ Văn Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đó là phần yêu cầu trả tiền lãi suất đối với khoản vay. Đến nay anh chỉ yêu cầu bà H phải trả cho anh số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng)

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Bùi Thị H trình bày:

Bà không quen biết anh Đ trước đó. Đến khoảng 6/2023 con gái bà là Phạm Thị Minh H1 có quan hệ yêu đương với anh Đ, 2 bên đi lại đến khi con gái bà có thai. Trên đường đi học về con gái bà bị ngã xe dẫn đến xảy thai, có về nhà thì bà trực tiếp chăm sóc. Sau hơn một tháng chăm sóc và điều trị , con bà đã trở lại bình thường và đi học tiếp. Hiện nay anh Đ yêu cầu bà trả số tiền 50.000.000 đồng, bà không đồng ý. Bởi vì số tiền này bà không hề vay mượn gì của anh Đ cả. Anh Đ chuyển tiền cho bà bởi vì lúc đó con gái bà bị sảy thai, về nhà điều trị chăm sóc tại nhà nên có nói với bà là anh Đ chuyển tiền cho con gái bà thông qua số tài khoản của bà để nhờ bà rút tiền. Sau khi anh Đ chuyển tiền thì bà đã rút toàn bộ số tiền trên đưa cho con gái bà thành 2 lần, mỗi lần 25.000.000 đồng. Số tiền anh Đ chuyển cho bà là chuyển khoản cho con gái bà, còn để làm gì bà không biết. Bà không được sử dụng bất kỳ khoản tiền nào anh Đ chuyển nên bà không đồng ý trả nợ. Còn đối với tin nhắn trả tiền giữa bà và anh Đ, đó lúc đó anh Đ

và con gái bà xảy ra mâu thuẫn, và dù sao vẫn là con mình mà anh Đ cứ nhấn tin đòi suốt mà anh Đ lại chuyển khoản vào số tài khoản của bà nên bà mới nhấn để trả dần cho anh Đ. Hiện nay còn gái bà là Phạm Thị Minh H1 không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì bà không biết. Trong nội dung chuyển tiền vào tài khoản của bà không có nội dung cho vay, bà sẽ sao kê Ngân hàng sau đó nộp cho Tòa án sau.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và có thêm ý kiến nếu anh Đ vẫn giữ yêu cầu thì vì con cái và vì lý do anh Đ chuyển tiền vào tài khoản của bà nên bà sẽ chịu trách nhiệm trả cho anh Đ. Tuy nhiên bà không có điều kiện để trả ngay được mà bà sẽ trả dần cho anh Đ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đưa chị Phạm Thị Minh H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Tuy nhiên chị H1 không có ý kiến nộp cho Tòa án và không đến Tòa án để làm việc. Do đó trong hồ sơ không có ý kiến của chị Phạm Thị Minh H1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Đề nghị HĐXX Căn cứ các Điều 280; Điều 351; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho anh Đỗ Văn Đ số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đ và bà H đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà

Bùi Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đỗ Văn Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bà H phải trả tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc từ ngày vay. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự HĐXX chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu mà Nguyên đơn rút yêu cầu.

[2]. Về nội dung : Anh Đ trình bày giữa anh và bà Bùi Thị H có thỏa thuận miệng với nhau là anh Đ cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng. Bà Bùi Thị H cho rằng khoản tiền này là anh Đoàn C là chuyển cho con gái bà H là chị H1 vì thời điểm đó chị H1 do có quan hệ yêu đương với anh Đ dẫn đến có thai, sau đó bị xảy thai và về ở nhà để bà chăm sóc. Anh Đ chuyển tiền qua số tài khoản của bà nhờ bà rút chứ bà không vay và không sử dụng. HĐXX xét thấy Ngày 23/6/2023 anh Đỗ Văn Đ có chuyển tiền cho bà Bùi Thị H số tiền 50.000.000 đồng từ số tài khoản Ngân hàng TMCP N – V : 0541000341291 do anh làm chủ tài khoản, đến số tài khoản 1022551925 do bà Bùi Thị H làm chủ tài khoản. Nội dung chuyển khoản ‘cho vay’. Điều này đã được thể hiện qua bản sao kê của Ngân hàng TMCP N chi nhánh C1, Phòng G. Bà H trình bày thời điểm đó do con gái bà bị xảy thai về nhà ở để bà chăm sóc nên anh Đ chuyển khoản cho chị H1 qua số tài khoản của bà. Tuy nhiên bà H không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Anh Đ xuất trình các tài liệu chứng cứ thể hiện ngày 09/10/2023 chị H1 vẫn đi khám thai tại phòng khám có phiếu siêu âm. Bản thân bà H cũng thừa nhận có nhắn tin nhận trách nhiệm sẽ trả nợ cho anh Đ. Do đó lời khai của bà H là không có căn cứ để chấp nhận. Có căn cứ chấp nhận việc giữa anh Đ và bà H hợp đồng miệng với nhau về việc vay tiền, anh Đ đã chuyển tiền cho bà H vay. Như vậy HĐXX xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là tháng 01/ 2024 việc thỏa thuận thời hạn không thể hiện trên văn bản nhưng thể hiện qua tin nhắn nhắn tin giữa bà H và anh Đ. Nên có đủ cơ sở để chấp nhận. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết bà H chưa trả được cho anh Đ đồng tiền nào. Do đó yêu cầu của anh Đ là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu về trả số tiền nợ gốc của anh Đ. Buộc bà Bùi Thị H phải có trách nhiệm trả cho anh Đỗ Văn Đ số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

[4]. Về yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu này không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của anh Đ được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bà Bùi Thị H phải chịu toàn bộ án phí DSST. Anh Đ được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà H phải trả tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc từ ngày vay cho anh Đ.

2. Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho anh Đỗ Văn Đ số tiền nợ gốc đã vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi anh Đỗ Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bà Bùi Thị H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Đỗ Văn Đ số tiền 1.340.000đ (Một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí DSST mà anh Đ đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai thu tiền số: 0002291 ngày 15/04/2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Đỗ Văn Đ và bà Bùi Thị H, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Minh H1. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

